

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHÔI KỲ**

Số: 346/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khôi Kỳ, ngày 04 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc: Công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước xã Khôi Kỳ năm 2021  
đã được HĐND xã phê chuẩn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÔI KỲ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;*

*Thực hiện Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp thứ 04 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách nhà nước xã Khôi Kỳ năm 2021 đã được HĐND xã phê chuẩn. *(Theo các biểu chi tiết đính kèm).*

*(Thời gian niêm yết từ ngày 04/07/2022)*

**Điều 2.** Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính- Kế toán UBND xã Khôi Kỳ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

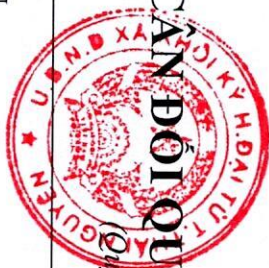
**Nơi nhận:**

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng uỷ, HĐND (b/c)
- UBNDTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.

**CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Văn Đoàn

## CÁN ĐỘI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>Tổng số thu</b>	<b>9.088.017.301</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>9.076.079.191</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	81.085.395	I. Chi đầu tư phát triển	1.890.616.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	336.137.181	II. Chi thường xuyên	6.961.891.991
III. Thu bổ sung	8.521.750.800	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	223.570.400
- Bổ sung cân đối	4.114.816.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.406.934.800		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	56.066.925		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	92.977.000		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>11.938.110</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phân trăm (%) cho xã.

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.748.340.000</b>	<b>5.748.340.000</b>	<b>10.183.453.376</b>	<b>9.088.017.301</b>	<b>177,15</b>	<b>158,10</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>	<b>81.085.395</b>	<b>81.085.395</b>	<b>168,93</b>	<b>168,93</b>
1	Phí, lệ phí	41.000.000	41.000.000	61.860.500	61.860.500	150,88	150,88
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	7.000.000	7.000.000	19.224.895	19.224.895	274,64	274,64
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác						
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>320.000.000</b>	<b>320.000.000</b>	<b>1.487.640.181</b>	<b>336.137.181</b>	<b>464,89</b>	<b>105,04</b>
1	Các khoản thu phân chia	58.000.000	58.000.000	61.647.042	61.647.042	106,29	106,29
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	8.400.000	8.400.000	120,00	120,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	51.000.000	51.000.000	53.247.042	53.247.042	104,41	104,41
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	262.000.000	262.000.000	1.425.993.139	274.490.139	544,27	104,77
2.1	Thu tiền sử dụng đất			1.151.503.000			
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	68.000.000	68.000.000	64.358.969	64.358.969	94,65	94,65
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	194.000.000	194.000.000	210.131.170	210.131.170	108,32	108,32
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>92.977.000</b>	<b>92.977.000</b>		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				56.066.925		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.380.340.000	5.380.340.000	8.521.750.800	8.521.750.800	158,39	158,39
1	Thu bổ sung cân đối	4.114.816.000	4.114.816.000	4.114.816.000	4.114.816.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.265.524.000	1.265.524.000	4.406.934.800	4.406.934.800	348,23	348,23




**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QTD/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYẾN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5.748.340.000</b>		<b>5.748.340.000</b>	<b>9.076.079.191</b>	<b>1.890.616.800</b>	<b>7.185.462.391</b>	<b>157,89</b>		<b>125,00</b>
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	109.068.000		109.068.000	104.896.000		104.896.000	96,17		96,17
4	Chi văn hóa, thông tin	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000		6.000.000	3.000.000		3.000.000	50,00		50,00
6	Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000	33.000.000		33.000.000	165,00		165,00
7	Chi bảo vệ môi trường				788.526.000		788.526.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế				897.616.800	897.616.800				
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.343.809.440		4.343.809.440	5.853.834.775	993.000.000	4.860.834.775	134,76		111,90
10	Chi cho công tác xã hội	181.000.000		181.000.000	146.593.800		146.593.800	80,99		80,99
11	Chi khác	949.462.560		949.462.560	995.041.416		995.041.416	104,80		104,80
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	109.000.000		109.000.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				223.570.400		223.570.400			

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**Quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021 đã được HĐND xã phê chuẩn**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;*

*Thực hiện Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp thứ 04 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2021,*

*UBND xã Khôi Kỳ thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021 đã được HĐND xã phê chuẩn như sau:*

**I. Tổng thu ngân sách xã: 9.088.017.301 đ** bằng 158,10% kế hoạch giao

**\* Thu cân đối từ thuế và phí kế hoạch giao: 368.000.000.000 đồng.** Thực hiện: 417.222.576 đồng đạt 113,38% KH năm cụ thể:

+ Lệ phí chứng thư KH giao: 41.000.000 đồng, thực hiện: 61.860.500 đồng đạt 150,88% kế hoạch.

+ Thu phạt, tịch thu khác KH giao: 7.000.000 đồng, thực hiện: 19.224.895 đồng, đạt 274,64% kế hoạch giao

+ Lệ phí môn bài kế hoạch giao: 7.000.000 đồng, thực hiện: 8.400.000 đồng đạt 120,00% kế hoạch.

+ Lệ phí trước bạ nhà, đất kế hoạch giao: 51.000.000 đồng, thực hiện: 53.247.042 đồng đạt 104,41% kế hoạch giao

+ Thuế GTGT kế hoạch giao: 68.000.000 đồng, thực hiện: 64.358.969 đồng đạt 94,65% kế hoạch giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân kế hoạch giao: 194.000.000 đồng, thực hiện: 210.131.170 đồng đạt 108,32% kế hoạch giao



**\* Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên thực hiện: 8.521.750.800 đ** đạt 158,39 % kế hoạch, bổ sung tăng trong năm: **3.165.410.800đ** và điều chỉnh giảm **24.000.000 đ** (chi phụ cấp CB trực 01 cửa), chi tiết các khoản bổ sung tăng trong năm gồm:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
KP chi ĐH văn hóa thể thao	10.000.000
KP bầu cử quốc hội khóa XV và HĐND các cấp	279.000.000
KP lập hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất	7.410.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ, hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan	590.704.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ 2020 (gói1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan, Đồng Mè, Gò Lá, Bãi Chè...	181.960.400
KP Chi công tác đảm bảo ATGT	5.000.000
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều)	1.253.006.800
KP chi hỗ trợ tiền ăn tăng thêm lực lượng DQTV	34.720.000
UBND xã Khôi Kỳ, Hạng mục: Nhà để xe + bồn hoa	593.000.000
KP mua vật tư lấy mẫu phục vụ công tác xét nghiệm	5.000.000
KP chi chế độ đặc thù theo ND 16/ND-CP	134.260.000
KP thu gom, vận chuyển vỏ bao bì, hóa chất khắc phục ô nhiễm, cải tạo môi trường	3.000.000
KP chi thống kê đất đai hàng năm	7.878.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ 2021 (gói1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Thang, Gò Lá	60.471.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.165.410.800</b>

Thu chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 thực hiện **92.977.000** đồng: nguồn cải cách tiền lương năm 2020 chưa sử dụng tiếp tục chuyển sang năm 2021, 70% tăng thu ngân sách 2020 chuyển nguồn sang năm 2021.

**\* Đánh giá chung về thu ngân sách xã năm 2021:** Chủ động rà soát các nguồn thu, tăng cường đôn đốc thu. Trong năm UBND xã đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng phần nào nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương, hầu hết các khoản thu cân đối trên địa bàn đều đạt và vượt so với kế hoạch.

**II. Tổng chi ngân sách: 9.076.079.191 đồng đạt 157,89 % dự toán chi**

**1. Chi đầu tư: 1.890.616.800 đồng Trong đó:**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình được thanh toán</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1	Đường GTNT xã Khôi Kỳ, hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan	301.500.000

2	Đường GTNT xã Khôi Kỳ 2020(gói1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan, Đồng Mè, Gò Lá, Bãi Chè...	181.960.400
3	Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều)	753.684.800
4	Đường GTNT xã Khôi Kỳ 2021 (gói1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Thang, Gò Lá	60.471.600
5	UBND xã Khôi Kỳ, Hạng mục: Nhà để xe + bồn hoa	593.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>1.890.616.800</b>

## 2. Chi thường xuyên: 7.185.462.391 đồng, đạt 125,00% so với dự toán

Chi tiết một số khoản chi chính như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi huấn luyện, ....) kế hoạch: **528.916.672** đồng, TH: **564.348.727** đồng đạt 106,7 %;

- Chi trật tự an toàn XH (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) kế hoạch: **420.545.888** đồng, TH: **430.692.689** đồng đạt 102,41%;

- Chi văn hoá - thông tin dự toán: **30.000.000** đồng, thực hiện: **30.000.000** đ đạt 100,00 %;

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: **6.000.000** đồng, thực hiện: **3.000.000** đồng;

- Chi thể dục-thể thao dự toán: **20.000.000** đồng, thực hiện: **33.000.000** đ đạt 165,00 %;

- Chi bảo vệ môi trường thực hiện: **788.526.000** đ;

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể dự toán: **4.318.809.440** đồng, thực hiện: **4.860.834.775** đồng đạt 112,55 % kế hoạch, nguyên nhân tăng do tăng biên chế, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, bầu cử Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp; ĐH TDTT lần thứ V một số nhiệm vụ chi thường xuyên khác:

+ Quản lý nhà nước (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) dự toán: **2.486.048.128** đồng, thực hiện: **2.962.123.297** đ đạt 119,15%;

+ Chi công tác Đảng: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **724.973.984** đồng thực hiện: **801.403.510** đồng đạt 110,54 % dự toán.

+ Chi công tác MTTQ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **470.912.708** đồng thực hiện: **469.373.333** đồng đạt 99,67% dự toán.

+ Chi công tác ĐTN: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **123.800.000** đồng thực hiện: **117.089.174** đồng đạt 94,58% dự toán.

+ Chi hoạt động hội Phụ nữ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **125.000.000** đồng thực hiện: **124.601.012** đồng đạt 99,68 % dự toán.



+ Chi hoạt động hội Nông dân: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 134.143.872 đồng thực hiện: 135.666.443 đồng đạt 101,14% dự toán.

+ Chi hoạt động hội CCB: (lương, phụ cấp, trợ cấp - KPCĐ, chi khác) KH: 132.226.748 đồng thực hiện: 131.918.756 đồng đạt 99,77% dự toán.

- Chi công tác xã hội dự toán: 181.000.000 đồng, thực hiện: 146.593.800 đồng đạt 93,97% kế hoạch.

\* **Đánh giá chung về chi ngân sách xã năm 2021:** Chi ngân sách đảm bảo kinh phí chi lương, phụ cấp, chi thường xuyên cho các ban ngành đoàn thể. Thực hành tiết kiệm được đề cao và tổ chức thực hiện nghiêm túc trong quản lý chi tiêu ngân sách, đảm bảo đầy đủ nguồn ngân sách chi theo dự toán được giao cũng như các khoản phát sinh theo chế độ. Kịp thời các khoản chi phục vụ dịch bệnh covid 19, Bầu cử ĐB Quốc Hội và HĐND các cấp, ĐH TDTT lần thứ V; đại hội đại biểu Hội LHPN xã Khôi Kỳ lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các khoản chi phát sinh cho chế độ.

Việc triển khai các nguồn vốn ĐTXD của xã cơ bản đã đáp ứng theo kế hoạch các công trình xây dựng triển khai theo đúng trình tự thủ tục đầu tư XD, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình XD, tiến độ thanh toán, tiến độ quyết toán hoàn thành, công tác giải ngân trả nợ nguồn vốn được cấp đúng theo Luật đầu tư công.

### 3. Chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022:

TT	Nội dung chuyển nguồn	Số tiền (đồng)
1	Nguồn cải cách tiền lương năm 2021 không chi hết chuyển sang năm 2022 để chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	81.432.400
2	Chi công tác thống kê đất đai hàng năm	7.878.000
3	Chi chế độ đặc thù Covid theo NQ số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021 của Thủ tướng Chính Phủ	134.260.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>223.570.400</b>

### 4. Phân tích số kết dư năm 2021 chuyển năm 2022:

TT	Nội dung kết dư	Số tiền (đồng)
1	Kết dư nguồn chi thường xuyên	11.938.110
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.938.110</b>

